

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2023

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sỹ Huyền; bà Hà Thị Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi V Th ; sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Bị đơn: Chị Đỗ Th Ng ; sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Văn Thanh trình bày:

Về tình cảm: Anh Bùi V Th và chị Đỗ Th Ng đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì sinh sống tại Thái Nguyên, đến năm 2012 thì vợ chồng về sống tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có con chung, trong khi chị Nga đã có một con riêng (đã trên 18 tuổi), hai vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất hòa quan điểm sống, không thể chia sẻ cùng nhau, lâu dần không còn yêu thương, tôn

trọng nhau, thường xuyên xúc phạm danh dự của nhau. Nay vì tình cảm vợ chồng không còn nên anh Th làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Th được ly hôn với chị Đỗ Th Ng .

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong biên bản lấy lời khai bị đơn chị Đỗ Th N trình bày:

Chị Ng thừa nhận về thời điểm đăng ký kết hôn cũng như thời gian xảy ra mâu thuẫn và lý do mâu thuẫn là do anh Th thường ghen tuông vô cớ, còn bản thân chị vẫn là người vợ chung thủy, vẫn chăm lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình. Chị Ng xét thấy tình cảm vẫn còn với anh Th , nên chị mong muốn Tòa hòa giải để vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, chị Ng không đồng ý ly hôn với anh Th .

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù chị Ng mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị Ng chỉ tham gia hòa giải 01 lần, còn sau đó chị không phối hợp với Tòa án, không đến tham gia hòa giải lần thứ hai. Do vậy, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện tương đối đầy đủ các quy định pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của anh Bùi V Th , đồng ý cho anh Th ly hôn với chị N .

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không giải quyết.

+ Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn anh Bùi Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Bùi Văn Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Đỗ Thị Ng có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố 11, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn.

Sau khi thụ lý vụ án, chị Ng đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, sau đó chị Ng chỉ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu, còn trong phiên hòa giải lần thứ hai chị Ng đã không tham gia. Tại phiên tòa ngày 11/5/2023 bị đơn chị Ng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập hợp lệ các đương sự theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chị Ng vắng mặt không rõ lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Ng theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Th và chị Đỗ Thị Ng trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy đăng ký kết hôn số 08, quyển sổ 01, ngày 18/01/2010, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh Th và chị Ng : Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng thời gian thì đến năm 2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Lý do là vì hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin ở nhau. Mặc dù sống chung nhà nhưng theo kết quả xác minh tại địa phương thì giữa hai vợ chồng hay cãi vã, chửi bới nhau trong cuộc sống; mặt khác mặc dù đã kết hôn được với nhau đến nay đã hơn 13 năm nhưng anh Th và chị Ng không có con chung. Chị Ng mặc dù trình bày mong muốn đoàn tụ, nhưng thực tế chị đã không tôn trọng, phối hợp với Tòa án khi chỉ tham gia duy nhất một lần hòa giải còn sau đó chị đã không đến tham gia hòa giải lần 2, cũng như cả hai lần mở phiên tòa chị cũng không đến tham gia. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh Th và chị Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Th xin được ly hôn với chị Ng là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận, đồng ý cho anh Th được ly hôn với chị Ng .

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung nên Tòa án miễn xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Bùi V Th là nguyên đơn, nên anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi V Th được ly hôn với chị Đỗ Th Ng .

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi V Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, anh Th đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006395 ngày 20/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, nay không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- UBND phường Trung Thành, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Hương Sơn;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ + VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Sỹ Huyền

Hà Thị Minh Thành

Mai Văn Đạt

